

**Bản thảo (chưa hoàn chỉnh) chỉ dành để thảo luận  
tại Hội thảo Hà ở Singapore  
Xin đừng trích dẫn hoặc đăng lại bản này**

---

---

## **Trung Quốc và Châu Phi: Dầu Mỏ và Kinh Tế**

**Nguyễn Huy Vũ (Frankfurt, Đức) và Nguyễn Minh Thọ (Leuven, Bỉ)**

(Bài viết tham gia Hội thảo Hà, Singapore, tháng 8 năm 2011)

### **1. Lời mở đầu**

Trong vòng một khoảng thời gian ngắn vào cuối tháng 5 đến đầu tháng 6 năm 2011, các tàu quân sự của Trung Quốc (TQ) cắt cáp của các tàu thăm dò dầu khí của Việt Nam hai lần trên vùng biển Đông Nam Á. Sự kiện này đã được thông tin rộng rãi trên mạng ở Việt Nam (VN), và tạo nên sự phẫn nộ trong các tầng lớp dân chúng. Nhiều cuộc biểu tình nhằm lên án chính sách hiếu chiến của TQ diễn ra ở TPHCM và Hà Nội, ở qui mô nhỏ tự phát, nhưng liên tục, và thái độ của chính quyền VN, khi thì như ngầm cho phép một sự phản đối tương đối, khi thì ra tay đàn áp những người biểu tình, cho thấy sự lúng túng của chính quyền Việt Nam.

Sự việc phản ánh một mức độ kiềm chế của dân chúng VN đối với chính quyền. Nhiều tầng lớp dân chúng đã rất nhẫn nhịn trong một thời gian dài trước thái độ chính quyền, và phản ứng lần này chỉ là giọt nước tràn ly, dù chính quyền VN buộc phải lên tiếng một cách công khai sau một thời gian dài phản ứng lấy lệ trước các hành động bạo lực của TQ.

Các hành động trước đây của TQ bao gồm khuyến cáo, đe dọa các công ty dầu khí muốn hợp tác hoặc đang có hợp tác thăm dò và khai thác dầu khí với VN trong vùng biển được TQ cho là đang có tranh chấp với mình. Ở một mức độ khác, ngăn cấm, đe dọa, quấy nhiễu và cướp bóc các ngư dân VN canh tác trong ngư trường truyền thống của mình. Mục đích cuối cùng của các hành động này là biến vùng biển Đông nghiêm nhiên thành một phần lãnh thổ của TQ, phần lãnh thổ được đưa ra biểu diễn bởi bản đồ chín gạch. TQ không chỉ gây hấn với VN, mà còn với Phi Luật Tân, và cả với Nhật Bản ở những vùng biển họ đang tranh chấp.

Các hành động một cách có chủ ý và liên tục leo thang của TQ gần đây nên được suy xét trong bối cảnh khi mà TQ đang lùng sục các nguồn cung dầu mỏ nhằm đảm bảo nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế. Việc leo thang các hành động gây hấn phản ánh mối quan tâm gần đây của chính quyền TQ trong chiến lược gia tăng khai thác dầu ở ngoài khơi xa (xa khơi) khi các mỏ dầu trong nước dần cạn kiệt.

Biển Đông Nam Á được đánh giá là khu vực có trữ lượng dầu khí dồi dào góp phần giải quyết bài toán dầu khí cho TQ.

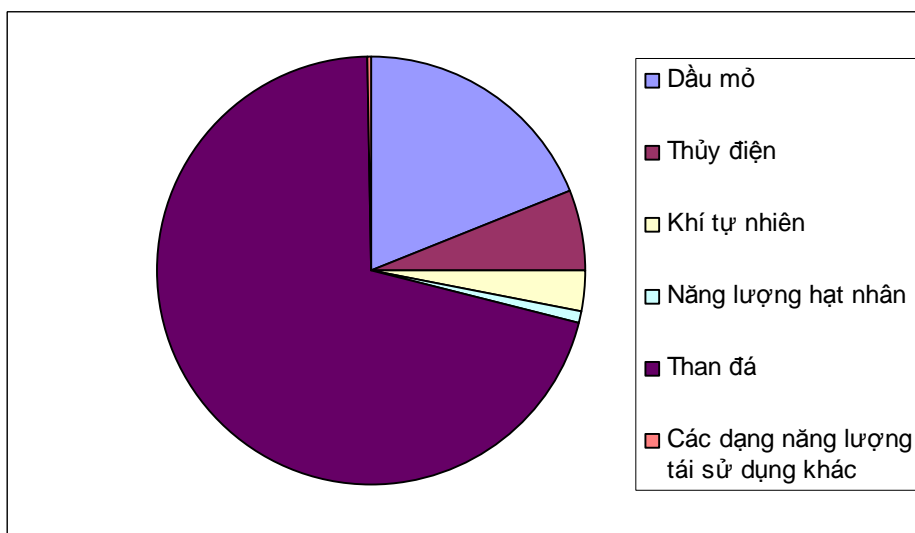
Trung Quốc là nước láng giềng của Việt Nam với nhiều mối quan hệ đặc biệt, từ lịch sử lâu dài, về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Hiểu được phần nào cách tiếp cận và chiến lược lâu dài của TQ trong việc họ phát triển và bành trướng sẽ giúp ích rất nhiều trong việc thực hiện một chính sách nhằm tìm kiếm một mối quan hệ song phương bình đẳng và cùng có lợi.

Bài viết nhằm cung cấp một góc nhìn về chiến lược của Trung Quốc trong tiếp cận khai thác tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là dầu khí, và các quặng mỏ kim khí, và tác động lên kinh tế ở các nước đang phát triển châu Phi.

## 2. Dầu mỏ và an ninh năng lượng của Trung Quốc

TQ hiện nay là nước nhập siêu dầu mỏ (fossil oil) lớn thứ hai thế giới sau Mỹ, và là nước tiêu thụ năng lượng lớn nhất thế giới. Cho đến những năm đầu thập niên 1990, TQ vẫn còn là quốc gia có thặng dư về dầu mỏ. Trong năm 2010, mức tăng tiêu thụ dầu mỏ của Trung Quốc chiếm một phần ba mức tăng trưởng tiêu thụ dầu mỏ của cả thế giới. TQ cũng sản xuất và tiêu thụ than đá lớn nhất, chiếm một nửa lượng tiêu thụ than đá hiện nay trên thế giới.

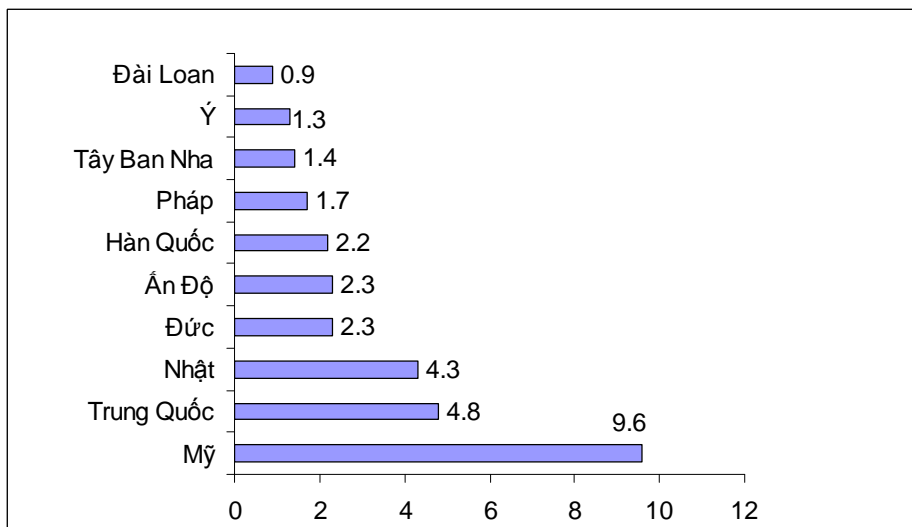
Các nguồn năng lượng được sử dụng ở TQ bao gồm: than đá, dầu mỏ, thủy điện, khí tự nhiên, hạt nhân, và các nguồn năng lượng tái tạo khác. Trong đó, than đá (chiếm khoảng 71%) và dầu mỏ (chiếm khoảng 19%) là các nguồn năng lượng chủ yếu (Hình 1).



**Hình 1.** Các nguồn năng lượng tiêu thụ ở Trung Quốc. Nguồn: EIA, số liệu năm 2008.

Theo số liệu phỏng đoán vào 1.2011, các mỏ dầu của TQ được cho là đang chứa khoảng 20,4 tỉ thùng. Các mỏ dầu lớn nhất tập trung ở vùng Đông Bắc nước này. Theo số liệu năm 2010, TQ sản xuất khoảng 4,3 triệu thùng/ngày, trong đó 96% là dầu thô. Sản xuất dầu của TQ được dự đoán sẽ tăng lên khoảng hơn 4,5 triệu thùng/ngày vào năm 2012.

Trong năm 2010, TQ tiêu thụ 9,2 triệu thùng/ngày, tăng hơn 10% so với năm trước đó. TQ phải nhập ở mức 4,8 triệu thùng dầu/ngày vào năm 2010. Dự đoán cho thấy mức tiêu thụ dầu mỏ của TQ sẽ tiếp tục tăng thêm 1,1 triệu thùng/ngày cho hai năm 2011 và 2012 (Hình 2).



Hình 2. Mức nhập dầu mỏ của các nước, đơn vị: triệu thùng/ngày. Nguồn: EIA, 2010.

Nhu cầu năng lượng, đặc biệt là dầu mỏ, nhằm đáp ứng cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng của TQ được đặt ưu tiên trong chính sách an ninh năng lượng. Từ đó, nhu cầu tìm kiếm các nguồn tài nguyên mới và duy trì ổn vững các nguồn cung cấp hiện có đóng vai trò then chốt.

Chính sách năng lượng và các qui định về năng lượng của TQ chủ yếu được quản lý bởi Ủy Ban Cải Cách và Phát Triển Quốc Gia (The National Development and Reform Commission - NDRC). Ngoài ra còn có bốn bộ khác cũng có trách nhiệm trong các mảng khác nhau.

Tháng 7 năm 2008 chính phủ TQ thành lập thêm Cơ Quan Năng Lượng Quốc Gia (National Energy Administration - NEA) đóng vai trò giám sát năng lượng chính. Cùng với NDRC, NEA chịu trách nhiệm cấp phép cho những dự án năng lượng mới ở TQ, đưa ra chính sách giá năng lượng, áp dụng chính sách năng lượng từ chính quyền trung ương và nhiều nhiệm vụ khác. NDRC trực thuộc Quốc vụ viện (chính phủ). Tháng 1 năm 2010, TQ thành lập thêm Ủy Ban Năng Lượng Quốc Gia chịu trách nhiệm điều phối chính sách năng lượng từ các cơ quan trung ương khác nhau.

Trong các chiến lược và chính sách an ninh năng lượng, đặc biệt là dầu mỏ, các công ty quốc doanh đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc định hướng và thực hiện các mục tiêu kinh tế và chính trị của chính phủ TQ.

Trong khoảng từ năm 1994 đến 1998, TQ sắp xếp lại các công ty dầu mỏ quốc doanh thành hai tập đoàn: China National Petroleum Corporation (CNPC) và China Petroleum and Chemical Corporation (Sinopec). Hai công ty này quản lý các công ty con chi phối toàn bộ thị trường dầu mỏ nội địa.

Ngoài ra, trong vài năm gần đây xuất hiện thêm các công ty dầu mỏ quốc doanh khác. Trong đó phải kể đến China National Offshore Oil Corporation (CNOOC), chịu trách nhiệm thăm dò và khai thác dầu ngoài khơi, Sinochem Corporation và CITIC Group, cả hai công ty vốn đang cố gắng chiếm lĩnh thị phần dầu mỏ TQ mặc dầu vẫn còn tương đối nhỏ. CNOOC ngoài việc tăng cường thăm dò và khai thác dầu ở Biển Đông còn tích cực phát triển mạng lưới trong nước.

Việc khai thác và chế biến dầu trong đất liền hầu như độc quyền bởi hai công ty CNPC và CNOOC. Trong khi đó, ở các bể dầu xa khơi các công ty quốc tế có thể có được hợp tác khai thác với các đối tác TQ.

Khoảng 85 phần trăm dầu mỏ ở TQ được khai thác chủ yếu từ các mỏ dầu nằm trong đất liền và vốn đã già. Tổng lượng dầu khai thác được trong năm 2010 đạt 4,3 triệu thùng/ngày, tăng 0,28 triệu thùng/ngày so với năm 2009. Sự tăng trưởng này có được phần lớn nhờ sự gia tăng khai thác dầu ngoài khơi. Trong năm 2010, hai mỏ dầu lớn nhất, Daqing và Shengli, lần lượt cho khoảng 797.000 và 547.000 thùng/ngày. Hai mỏ dầu này cùng nhiều mỏ dầu khác đã được khai thác từ thập niên 1960, và dự đoán là sẽ giảm sản lượng trong các năm tới. Do đó, nhu cầu dầu mỏ ngày càng cao khiến các công ty dầu mỏ tập trung vào các hoạt động thăm dò tìm kiếm các nguồn mới. Thăm dò ngoài khơi tập trung vào vịnh Bohai và biển Đông, trong đất liền tập trung vào các mỏ dầu và khí ở các tỉnh phía Tây như Tân Cương, Tứ Xuyên, Cam Túc và Nội Mông. Vùng Tây Bắc Tân Cương với bể dầu Tarim lớn nhất nước được đánh giá, vào năm 2010, dự trữ khoảng 290 triệu thùng. Sản lượng khai thác năm 2010 là 111 ngàn thùng/ngày và chỉ 12% trữ lượng dầu đã được khai thác. Chính phủ TQ đang lên kế hoạch biến Tân Cương thành cơ sở sản xuất dầu khí lớn nhất nước. Ngoài ra, các công ty dầu mỏ nhà nước cũng tăng cường thăm dò các mỏ mới ở một số bể như Junggar, Turpan-Hami, Ordos..., cùng những nỗ lực khôi phục khai thác lại các mỏ dầu cũ (Hình 3).



**Hình 3.** Bản đồ các bể dầu của Trung Quốc. Nguồn: Rigzone

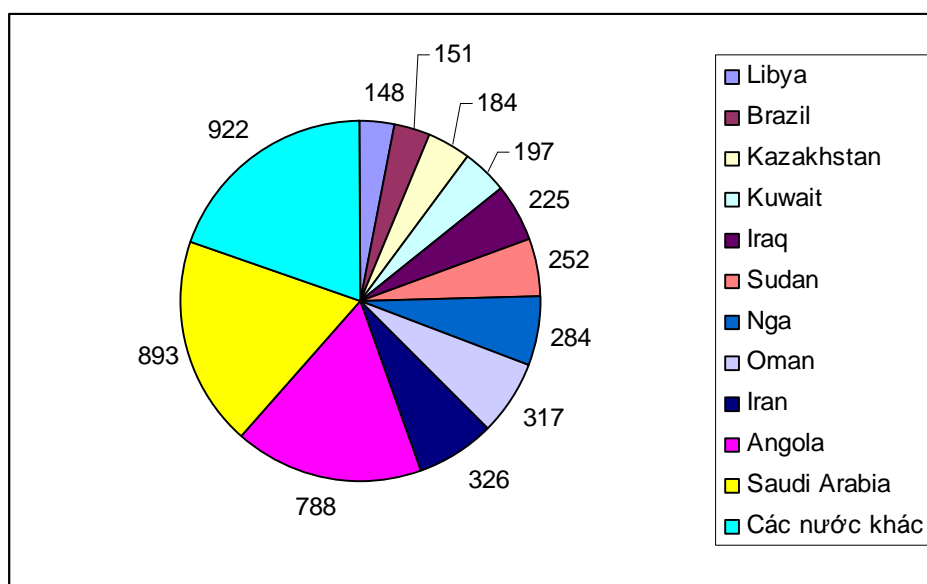
Khoảng 15 phần trăm sản lượng dầu của Trung Quốc cung cấp bởi các mỏ dầu ngoài khơi. Khi mà các bể dầu trong lục địa dần cạn kiệt, sự tăng trưởng sản lượng trong thời gian tới phụ thuộc chủ yếu vào khả năng khai thác các mỏ dầu nằm ở khơi xa và các nguồn cung cấp ở các nước khác. Các hoạt động thăm dò và khai thác dầu gần đây do đó đã tập trung ở vịnh Bohai (bể dầu ngoài khơi được khai thác lâu nhất của TQ), biển Đông, và biển Hoa Đông (East China Sea).

Các khu vực ngoài khơi với tiềm năng giàu dầu khí ở biển Hoa Đông Trung Quốc vẫn chưa khai thác một phần do đang tranh chấp với các nước láng giềng.

Tại biển Hoa Đông, TQ tranh chấp với Nhật Bản. Trong năm 2008, Trung Quốc và Nhật Bản thỏa thuận khai thác chung hai mỏ là Chunxiao (tiếng Hoa) / Shirakaba (theo tiếng Nhật) và Longjing (tiếng Hoa) / Asurao (tiếng Nhật). Tuy nhiên, đầu năm 2009 kế hoạch bị phá vỡ khi TQ thực thi chủ quyền trên các mỏ này. Căng thẳng giữa hai nước quanh các mỏ diễn ra trong năm 2010 và gần đây (7-2011).

Ở biển Đông, TQ tuyên bố chủ quyền và chiếm giữ một số đảo ở Trường Sa, khu vực được cho là có tiềm năng về dầu khí. TQ đã chiếm Hoàng Sa từ năm 1974 từ quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Kể từ cuối thập niên 1990, nền kinh tế TQ tăng trưởng nhanh chóng, kéo theo nhu cầu tiêu thụ năng lượng tăng vọt. Dầu khai thác không đủ dùng cho nhu cầu trong nước dẫn đến nhu cầu tìm kiếm các nguồn cung cấp dầu từ nước ngoài. Thăm dò và khai thác dầu ở nước ngoài của TQ tăng nhanh chóng từ 140 ngàn thùng/ngày năm 2000 tới 1,2 triệu thùng/ngày năm 2009. CNPC dẫn đầu trong tìm kiếm các dự án khai thác dầu ở nước ngoài, theo sau là Sinopec, CNOOC và vài công ty quốc doanh nhỏ khác. Cho tới cuối năm 2010, CNPC có cổ phần khai thác ở 29 nước và đóng góp 684.000 thùng/ngày từ các cơ sở khai thác dầu ngoại quốc. Trung Quốc đã bỏ ra khoảng 28 tỉ đô để mua lại các cơ sở sản xuất dầu ở Trung Đông, Canada, và Mỹ La Tinh. Các công ty dầu quốc doanh của TQ dùng kế sách cho vay để lấy hợp đồng khai thác dầu (oil-for-loan deal) ở các nước Nga, Kazakhstan, Venezuela, Brazil, Ecuador, Bolivia, Angola và Ghana, trị giá tổng cộng lên đến 90 tỉ đô la. Kế sách tương tự cho vay để được khai thác khí (gas-for-loan deal) được thực hiện với Turkmenistan [1]. Trong thập niên qua, trên đường đi tìm kiếm nguyên liệu, TQ đã triển khai nhanh mối quan hệ với Châu Phi (Hình 4).



**Hình 4.** Nguồn nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc, đơn vị: ngàn thùng/ngày. Nguồn: FACTS Global Energy, năm 2010.

### 3. Quan hệ ngoại giao của Trung Quốc với Châu Phi

Mối quan hệ giữa TQ và châu Phi bắt đầu từ rất xưa và tiến triển đều đặn theo dòng lịch sử. Tuy nhiên, chỉ cho đến năm 1956 khi mà nước Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa thiết lập mối quan hệ ngoại giao chính thức với Ai Cập, mối quan hệ liên chính phủ giữa TQ và các nước châu Phi mới khởi sắc. Trong vòng hơn 50 năm qua, mối quan hệ này tiến triển với nhiều bước

ngoặc nhưng tựu trung nền tảng có hai giai đoạn chính: giai đoạn quan hệ dựa chủ yếu trên ý thức hệ và giai đoạn quan hệ thực dụng kinh tế.

### **3.1. Giai đoạn quan hệ dựa trên ý thức hệ**

Kể từ khi Đảng Cộng Sản TQ lên nắm quyền cho đến khi chính sách mở cửa kinh tế bắt đầu (1949 -1978), chính sách châu Phi của TQ nhuộm màu ý thức hệ. Trong suốt khoảng thời gian này, chính sách ngoại giao của TQ gắn liền với vai trò tự cho là tiên phong trong phong trào các nước thuộc thế giới thứ ba trong cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân mới và chủ, chủ nghĩa đế quốc và, dĩ nhiên, chủ nghĩa xét lại.

Cho đến khi mối quan hệ giữa TQ và Liên Xô sụp đổ trong thập niên 1960, TQ bắt đầu tố cáo các đảng cộng sản ủng hộ Liên Xô ở các nước châu Phi là theo chủ nghĩa xét lại và xem họ như các đối thủ về mặt ý thức hệ. Theo đó, TQ từ chối việc thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước này, sau khi các ĐCS này giành được chính quyền. Mối quan hệ giữa đảng cộng sản TQ và các đảng chính trị ở châu Phi ủng hộ Liên Xô trong giai đoạn này rất xấu (như với Angola, Mozambique...).

Mặc dầu bầu không khí chính trị thay đổi liên tục và rất mạnh mẽ ở TQ trong suốt những năm giữa thập niên 1960, cách tiếp cận giáo điều trong mối quan hệ với các nước châu Phi vẫn được duy trì. Từ khởi đầu của cuộc Cách Mạng Văn Hóa, chính sách ngoại giao của TQ bị ảnh hưởng bởi khuynh hướng cực tả. Chính sách của Trung Quốc đối với châu Phi trong giai đoạn này được xem chủ yếu nhằm truyền bá chủ nghĩa Mao-ít sang các nước châu Phi. Khẩu hiệu “xuất khẩu cách mạng” được xem như là một mục tiêu chủ yếu hướng đến châu Phi. Trong giai đoạn này, châu Phi đối với Trung Quốc là một đồng minh ý thức hệ trong cuộc chiến chống lại chủ nghĩa đế quốc, thực dân mới. Chính sách này gây nên sự đối kháng ở nhiều nước châu Phi khi nó đe dọa đến quyền lực và vị trí lãnh đạo của nhiều chính phủ châu Phi, và đi lệch khỏi nguyên tắc “không can thiệp vào các vấn đề nội bộ”. Do đó, chỉ có một số nhỏ các nước châu Phi duy trì mối quan hệ với TQ.

Cho đến cuối thập niên 1960, khi mà TQ chấm dứt chính sách “xuất khẩu cách mạng”, và bắt đầu viện trợ cho các nước châu Phi với khẩu hiệu “miễn phí và không điều kiện” như một cách tiếp cận nhằm xây dựng mối quan hệ song phương, mối quan hệ giữa TQ và các nước châu Phi bắt đầu trở lại. Thật ra, sự thay đổi trong chính sách này bắt đầu hình thành trong khoảng năm 1963-1964 khi thủ tướng Chu Ân Lai thăm châu Phi và đề xuất “năm nguyên tắc nhằm xây dựng mối quan hệ với các nước Ả Rập và châu Phi” và “năm nguyên tắc trong tương trợ kinh tế”. Vào năm 1978, TQ đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 43 nước châu Phi.

### **3.2. Giai đoạn quan hệ thực dụng kinh tế**

Sự kết thúc của Cách mạng Văn hóa khởi đầu một bước ngoặt mới trong chính sách của TQ đối với châu Phi. Từ chỗ chỉ duy nhất dựa trên liên minh ý thức hệ, chính sách mới của TQ có hướng tiếp cận đa chiều và thực dụng hơn.



Trong khoảng thời gian 1979-1982, sự bất ổn kinh tế ở Trung Quốc tạo ra những dao động trong mối quan hệ giữa TQ và châu Phi: các khoản viện trợ giảm, theo sau đó là sự sụt giảm trong giao thương hai chiều. Đại hội đảng cộng sản TQ vào năm 1982 đánh dấu một bước chuyển hướng trong chính sách của TQ từ “chiến tranh và cách mạng” sang “hòa bình và phát triển”. Theo đó, TQ cũng thay đổi chính sách từ chỗ “kinh tế nhằm phục vụ cho ngoại giao” tới chỗ “ngoại giao nhằm phục vụ cho kinh tế”.

TQ đưa ra hai chiến lược chính: (1) tập trung phát triển kinh tế nội địa, và (2) theo đuổi một chính sách ngoại giao ‘độc lập và hòa bình’. Điều này có nghĩa TQ sẽ theo đuổi một mối quan hệ dựa trên những mục tiêu thực tế hơn. Mối quan hệ giữa hai nước sẽ dựa trên các nguyên tắc “độc lập, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào các vấn đề nội bộ của nhau”.

Sự chuyển hướng trong chính sách góp phần thúc đẩy mối quan hệ của đảng cộng sản TQ và nhiều chính phủ châu Phi, cho thấy một sự bứt phá trong lịch sử ngoại giao. Theo đó mối quan hệ ngoại giao song phương giữa TQ và một đối tác châu Phi dựa chủ yếu trên mối quan hệ giữa hai đảng: đảng cộng sản Trung Quốc và đảng chính trị ở nước đối tác. Mối quan hệ dựa trên đảng phái bảo đảm rằng mối quan hệ giữa hai nước được duy trì cho dù có nhiều sự chuyển đổi ở chính phủ các nước châu Phi. Cho đến năm 2002, đảng cộng sản TQ đã thiết lập được mối quan hệ với hơn 60 đảng chính trị (bao gồm đang cầm quyền và không cầm quyền) ở 40 nước vùng Hạ Sahara.

Như đã ghi ở trên, từ 1949-1978, mối quan hệ giữa TQ và châu Phi chủ yếu là chính trị mang đậm màu sắc ý thức hệ. TQ cung cấp vũ khí và hỗ trợ cho các phong trào nổi dậy. Theo sau các làn sóng độc lập, TQ xem châu Phi như đồng minh trong cuộc chiến chống lại chủ nghĩa đế quốc, thực dân và chủ nghĩa bá quyền. Trung Quốc cung cấp miễn phí các viện trợ quân sự, kinh tế và chùng mực nào đó, hỗ trợ phát triển cho các nước châu Phi đi theo họ về chính trị.

Mối quan hệ mới đa dạng và thực dụng hơn bao gồm tăng cường hợp tác kinh tế, giao thương, trao đổi văn hóa, giáo dục, y tế, quân sự, .... Từ chỗ cung cấp viện trợ miễn phí, các khoản viện trợ trong giai đoạn sau này nhằm mục đích gây lợi cho cả hai về mặt kinh tế.

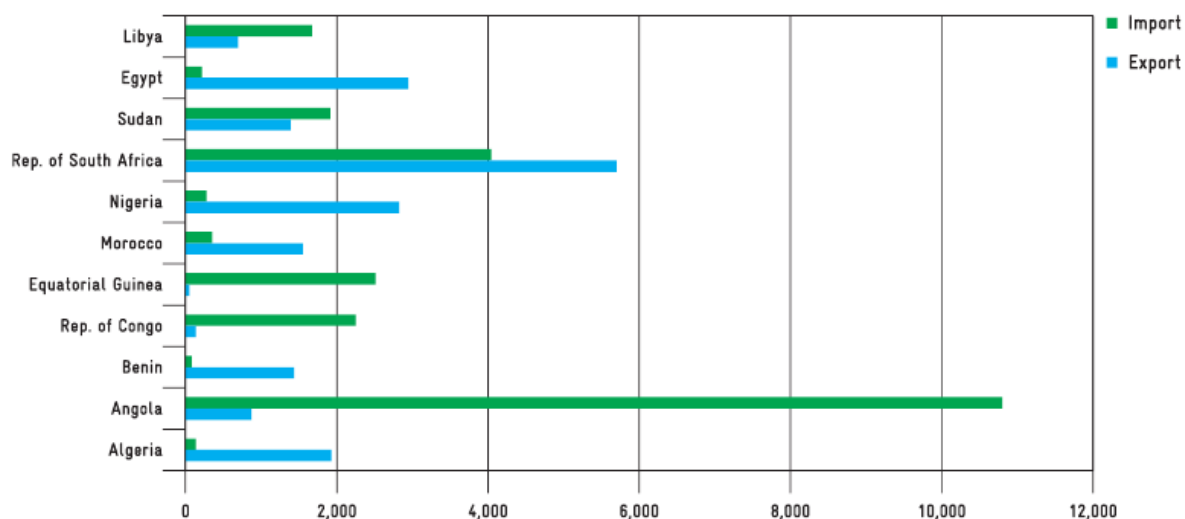
Chính sách của TQ đối với châu Phi trong giai đoạn sau này đặt ưu tiên ở hợp tác kinh tế. Sự giàu có về tài nguyên thiên nhiên của châu Phi thật sự đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về nguyên liệu thô và năng lượng cho phát triển của TQ. Ngược lại, sự đầu tư về năng lượng của TQ ở châu Phi thường kèm theo các khoản viện trợ trong xây dựng cơ sở hạ tầng giúp thu hút nhiều hơn đầu tư nước ngoài vào châu Phi [2].

## **4. Các hoạt động tương tác giữa Trung quốc và Châu Phi**

### **4.1. Giao thương kinh tế**



Châu Phi trở nên một đối tác thương mại quan trọng của Trung Quốc. Lượng hàng hóa trao đổi từ lúc khoảng 11 tỉ đô la Mỹ trong năm 2000 đã tăng lên khoảng 40 tỉ đô la Mỹ năm 2005. TQ có thặng dư mậu dịch trong giao thương với châu Phi. Ngược lại, đối với châu Phi, TQ là đối tác thương mại lớn thứ ba, sau Mỹ và Pháp. Trung Quốc nhập khẩu chủ yếu năm loại sản phẩm chính: dầu mỏ, quặng sắt, sợi bông, kim cương và gỗ. Châu Phi cung cấp khoảng 23% lượng dầu dùng cho Trung Quốc [3] (Hình 5).



**Hình 5.** Các đối tác thương mại quan trọng nhất của Trung Quốc ở châu Phi năm 2006, đơn vị triệu đô la Mỹ. Nguồn: Asche & Schuller (2008).

Năm 1950, mậu dịch giữa TQ và các nước châu Phi ở khoảng 12,14 triệu đô la Mỹ. Cho đến năm 1990 và 2000, con số này lần lượt lên đến 935 triệu và 10,6 tỉ đô la Mỹ. Năm 2005, con số này là 39,75 tỉ đô la Mỹ và năm 2006 đạt 55,5 tỉ đô la Mỹ, trong đó sản phẩm của châu Phi xuất khẩu vào TQ chiếm hơn một nửa, đạt 28,8 tỉ.

Cho đến năm 2008, TQ đã ký các thỏa thuận thương mại với 41 nước châu Phi và đã thiết lập được các cơ chế mậu dịch và kinh tế song phương với 37 nước châu Phi khác. Họ cũng đã ký các nghị định song phương nhằm thúc đẩy và bảo vệ đầu tư với 29 nước, tránh đánh thuế hai lần và tránh trốn thuế với 9 nước. Hai mươi ba nước châu Phi đã công nhận TQ là nền kinh tế thị trường đầy đủ.

Trong lĩnh vực hợp tác kỹ thuật, các công ty TQ đã ký một khung hợp tác trị giá 6,25 tỉ đô la Mỹ cho một phần dự án xây dựng đường cao tốc nối liền Đông – Tây ở Algeria và một hợp đồng trị giá 8,3 tỉ đô la Mỹ nhằm hiện đại hóa hệ thống đường xe lửa của Nigeria. Đây là hai dự án lớn nhất mà các công ty TQ dành được trên thị trường quốc tế.

Năm 2006, Văn Phòng Hợp Tác Thương Mại Trung Quốc - Châu Phi được thành lập nhân hội nghị lần thứ hai của giới doanh nhân TQ và châu Phi ở Bắc Kinh. Tại hội nghị này, các chính phủ và giới doanh nhân châu Phi ký 14 hợp đồng và thỏa thuận trị giá 1,9 tỉ đô la Mỹ với 11 công ty Trung Quốc. Các dự án bao gồm: xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản, viễn thông, công cụ khai khoáng, và bảo hiểm tài chính, diễn ra ở 11 nước bao gồm: Ethiopia, Ai Cập, Nam Phi, Nigeria, Kenya, Ghana, Zambia, Uganda, Seychelles, Lesotho và Cape Verde.

Năm 2007, hội nghị thường niên của các thống đốc Ngân Hàng Phát Triển Châu Phi họp ở ... Thượng Hải. Thủ tướng Ôn Gia Bảo khai mạc hội nghị lớn và cao cấp nhất chưa từng có với hơn 2000 đại biểu đại diện cho các quốc gia và tổ chức, đánh dấu một bước lớn trong mối quan hệ TQ – châu Phi.

Vào ngày 26.6.2007, Quỹ Phát Triển Trung Quốc - châu Phi (China-Africa Development Fund Company) được tài trợ và trực thuộc Ngân Hàng Phát Triển Trung Quốc (China Development Bank) được khánh thành ở Bắc Kinh, đánh dấu mối quan hệ ngày càng sâu rộng hơn giữa TQ và châu Phi. Quỹ này đóng vai trò hỗ trợ các công ty TQ trong việc thiết lập và phát triển các hoạt động kinh tế ở châu Phi. Quỹ sẽ đầu tư trực tiếp vào các công ty, qua đó hỗ trợ các công ty về vốn và giúp họ đầu tư hiệu quả hơn, đồng thời tư vấn cho các công ty khác muốn đầu tư vào châu Phi.

Phát triển mật dịch kéo theo phát triển đầu tư của TQ ở châu Phi. Cho đến năm 2006, TQ đã tích lũy đầu tư ở châu Phi khoảng 11,7 tỉ đô la Mỹ [4].

Các hoạt động kinh tế và vị trí của TQ ở châu Phi ngày càng tăng cả về chất và lượng, bao phủ nhiều lĩnh vực kinh tế của các quốc gia châu Phi. Các lĩnh vực chính bao gồm:

- a. Buôn bán hàng tiêu dùng nội địa. Các doanh nghiệp và nhà phân phối lớn của TQ ở châu Phi nhập hàng chủ yếu từ TQ và phân phối lại tại thị trường châu Phi thông qua một mạng lưới các cửa hàng phân phối nhỏ hơn của người Hoa hiện diện ngày càng đông đảo ở các quốc gia châu Phi.
- b. Khai khoáng. Các dự án khai khoáng của các doanh nghiệp của người Hoa thường tập trung vào khai thác nhiên liệu và các khoáng sản công nghiệp, chủ yếu là dầu mỏ, uranium, platinum, crom, mangan, coban, kền, tin, chì, thiếc, đồng...
- c. Xây dựng. Các dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn thường có sự tham gia của các doanh nghiệp TQ, bao gồm: đường bộ, đường sắt, đập, dự án thủy điện và nhiều công trình công cộng khác như bệnh viện, trạm xá, trường học, sân vận động...
- d. Cung cấp thiết bị hạng nặng gồm máy móc hạng nặng phục vụ xây dựng và thiết bị phục vụ giao thông vận tải, thiết bị phục vụ vô tuyến truyền thông.

- e. Sản xuất. Các doanh nghiệp người Hoa tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt trong các dự án nhằm xử lý sản phẩm nông nghiệp mới thu hoạch thô. Doanh nghiệp TQ cũng xúc tiến các hoạt động xử lý các quặng khoáng sản.
- f. Tài chính. Bao gồm các khoản vay không lãi suất lớn dành cho các chính phủ châu Phi và các cơ chế liên quan, và các khoản vay lãi xuất thấp cho nhiều dự án ở trên.
- g. Ngoài ra còn có vài dự án của TQ ở châu Phi kết hợp nhiều lĩnh vực khác nhau trong những dự án tích hợp lớn [5].

#### **4.2. Trao đổi Giáo Dục và Văn Hóa**

Các hoạt động trao đổi, giao lưu văn hóa đã tiến triển rất nhanh chóng. TQ luôn quan tâm đến tầm quan trọng trong giao lưu văn hóa. Số liệu thống kê sơ khởi cho thấy, từ năm 1955 đến cuối năm 2005, Trung Quốc đã ký 65 hiệp định văn hóa (cultural accord) và 151 kế hoạch thực hiện với các nước châu Phi; hơn 50 phái đoàn văn hóa cấp quốc gia đã viếng thăm châu Phi và ngược lại, hơn 160 tổ chức văn hóa của châu Phi viếng thăm TQ. Những hoạt động khác bao gồm những chuyến lưu diễn văn hóa TQ (có đợt qua 11 nước), Đại hội Thanh niên Trung Quốc-châu Phi, loạt phim truyền hình “Con Đường của Tình Hữu Nghị” (The Road of Friendship) để tưởng nhớ 40 năm Chu Ân Lai viếng thăm châu Phi...

TQ đã thiết lập các hoạt động trao đổi giáo dục với hơn 50 nước châu Phi. Đến thời điểm năm 2008, chính phủ TQ đã cấp khoảng 20.000 học bổng chính phủ cho sinh viên 50 nước châu Phi. Hiện nay số sinh viên châu Phi học tại TQ là 1200 sinh viên/năm, và TQ dự định tăng gấp đôi trong thời gian 5 năm tới. TQ cũng đã thiết lập tổng cộng 6 trung tâm văn hóa TQ ở nước ngoài, trong đó có 3 trung tâm ở châu Phi. 26 nước châu Phi trở thành điểm đến du lịch của người TQ. Theo kế hoạch của Diễn đàn hợp tác Trung Quốc-Châu Phi (Forum on China-Africa Cooperation), họ sẽ tăng cường hợp tác ở châu Phi trong các lĩnh vực như đào tạo nhân lực, hợp tác giáo dục và y tế [6].

### **5. “Đại Chiến Lược” của Trung Quốc**

Nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng của TQ đặt ra nhu cầu ngày càng tăng về nguyên nhiên liệu để nuôi dưỡng và giữ mức tăng trưởng. Là một đối tác mới trên thị trường nguyên liệu, và khi mà các thị trường chính giàu tài nguyên hầu hết đã thiết lập những hợp đồng dài hạn với những đối tác truyền thống giàu quyền lực như Mỹ, châu Âu, và Nhật bản..., việc tham gia muộn màng của Trung Quốc khiến cho việc tìm kiếm các hợp đồng cung cấp trở nên khó khăn hơn. Các mỏ dầu chưa khai thác giờ đây trở nên hiếm hoi. Một khi nhu cầu an ninh năng lượng trở thành một chính sách ngoại giao quan trọng của TQ, chính quyền cùng với giới doanh nhân nước này tìm kiếm bằng mọi giá những nguồn cung cấp mới. Do đó họ không thể từ chối các

đổi tác tiềm năng và sẵn sàng dấn thân vào bất cứ nơi nào còn sót lại, và thường là bỏ lại đằng sau các nguyên tắc đạo đức.

Châu Phi, với những nguồn tài nguyên giàu có chưa được khai phá, và khi mà các đối thủ phương Tây vẫn còn e ngại để đầu tư, đã trở thành những cơ hội hấp dẫn cho TQ.

Ngược với cách tiếp cận có điều kiện của các chính phủ phương Tây, nhất là những đòi hỏi về ‘dân chủ hóa’, ‘chống tham nhũng’, ‘nhân quyền’..., chính sách không can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc rất được hoan nghênh ở châu Phi. Trung Quốc cung cấp viện trợ, vũ khí cho các chính phủ này, dù là một chính phủ độc tài thối nát, và tỏ ra không quan tâm tới chất lượng quản trị hay thành tích nhân quyền – điều mà các nước khối G8 và các tổ chức tài chính thế giới luôn đưa ra trong các quyết định viện trợ.

Sự tiếp vận của Trung Quốc khiến các quốc gia châu Phi từ chối các đòi hỏi về tăng cường sự minh bạch, thực hiện chiến lược chống tham nhũng, và các nỗ lực dân chủ hóa của IMF, World Bank và các cơ quan viện trợ khác, chẳng hạn như các quốc gia Angola, Chad, Nigeria, Sudan, Zimbabwe, và nhiều nước khác.

Các công ty, doanh nghiệp quốc doanh của TQ, vốn ít chịu áp lực về lợi nhuận ngắn hạn, cùng với sự hỗ trợ về tài chính và chính trị phía sau, được định hướng bởi chính phủ đầu tư vào các ngành trọng điểm chiến lược nhằm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế TQ. Đối với những doanh nghiệp này, những khó khăn như tình trạng tham nhũng tràn lan, không ổn định chính trị, hay sự thiếu vắng luật lệ... được xem như là cơ hội hơn là rủi ro. Trong môi trường này, các doanh nghiệp nhà nước TQ như cá gặp nước, và tự từ dành vai trò gần như là độc quyền trong một số lĩnh vực của vài nền kinh tế địa phương.

TQ dùng viện trợ như là một phương tiện để tăng cường các cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp TQ ở châu Phi và mở đường cho các dự án khổng lồ khác. Không ngạc nhiên khi TQ tập trung đầu tư và viện trợ các quốc gia nơi mà các công ty đa quốc gia hầu như vắng bóng (bởi hoặc họ chưa xuất hiện vì điều kiện triển khai chưa đủ, hoặc họ bị buộc phải rút đi bởi các chế tài quốc tế).

Chiến lược dùng viện trợ và cho vay dễ dàng của TQ nhằm tạo mối quan hệ và ảnh hưởng với các chính phủ châu Phi, và dùng các doanh nghiệp nhà nước như là các “mũi tiến công” trong thực hiện chính sách của mình đã đạt nhiều thành công.

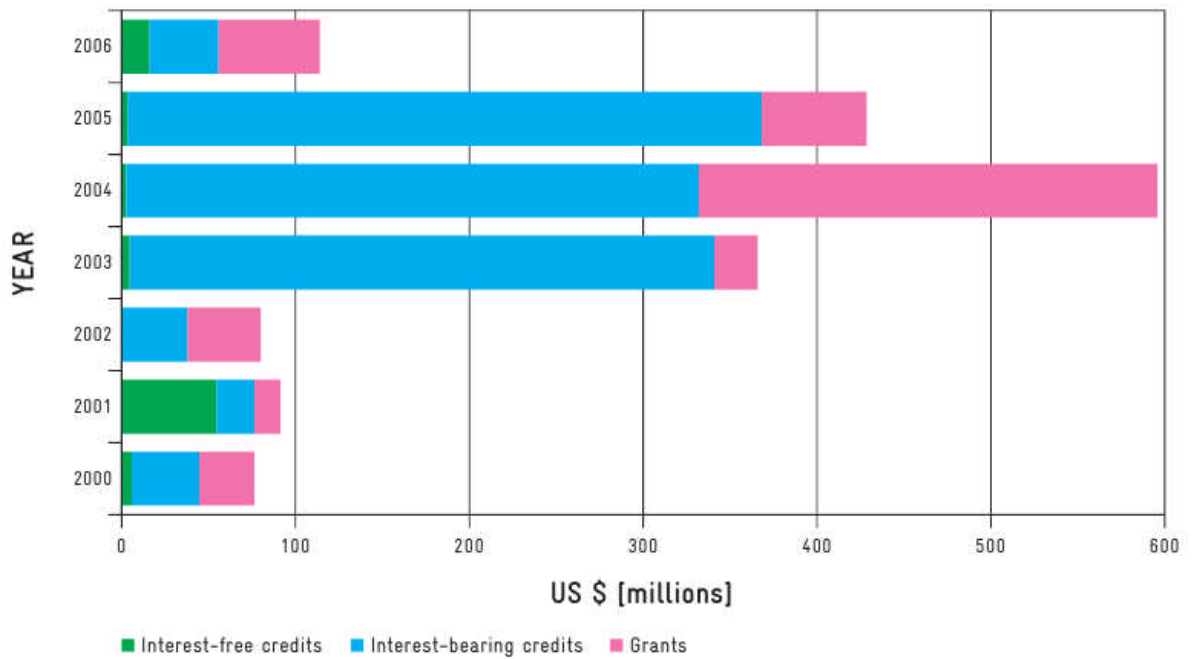
### **5.1. “Hỗ trợ” của Trung Quốc**

Phân tích qui mô và chất lượng các chương trình viện trợ của TQ là một việc không dễ, nhất là khi thiếu một mức độ minh bạch trong các thống kê. TQ cũng không có một cơ quan duy nhất quản lý các chương trình viện trợ phát triển. Cơ quan quản lý chính là bộ Thương mại; ngoài ra, các cơ quan khác có liên quan trong việc đưa ra quyết định gồm có bộ Tài chính, Ngoại giao, Quốc phòng, Khoa học và Công nghệ, các tòa đại sứ và ủy ban quốc gia.

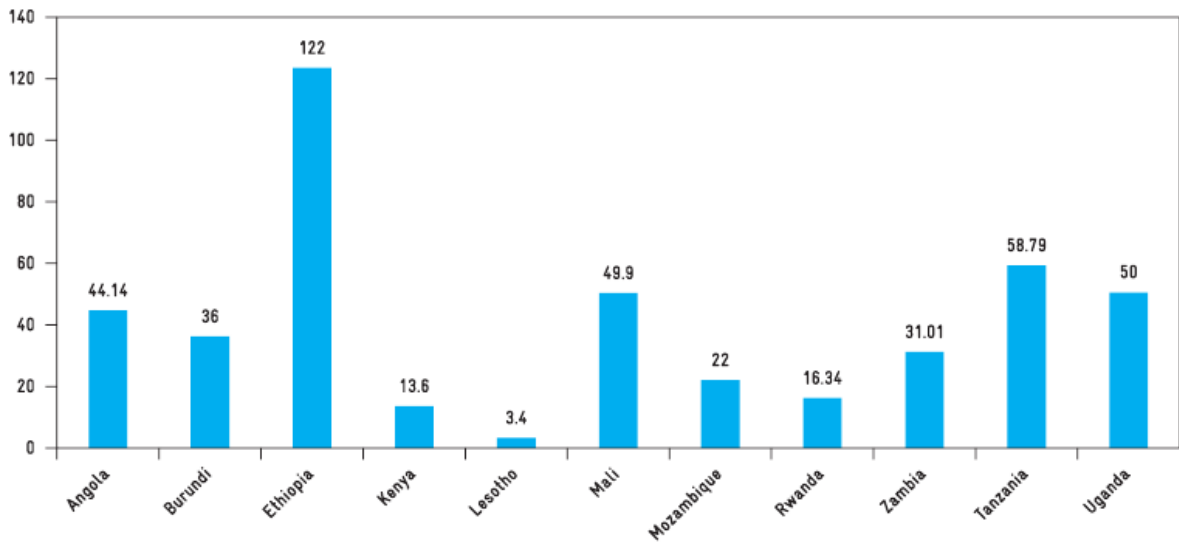
Có nhiều doanh nghiệp nhà nước cấp tỉnh đầu tư ra nước ngoài, và các chính quyền cấp tỉnh cũng được cho là có can thiệp vào chính sách đầu tư của TQ ở châu Phi. Những đơn vị này có ngân sách riêng. Các tòa đại sứ cũng đóng một vai trò quan trọng trong chính sách viện trợ. Họ là những cầu nối chính cung cấp viện trợ. Trong nhiều trường hợp, các nhân viên tòa đại sứ thương thảo trực tiếp với chính quyền các nước nhận viện trợ, đưa ra các điều kiện và thi hành các dự án. Viện trợ từ TQ hầu như chỉ phân phối thông qua kênh song phương và đưa trực tiếp tới các nước nhận viện trợ. Tuy nhiên, thường các kênh viện trợ riêng lẻ như vậy không được báo cáo.

Khác với các nước khác, các con số thống kê của TQ thường được hạ thấp và tổng lượng viện trợ cũng vậy. Một nguyên nhân có thể là chính quyền trung ương cũng không biết chính xác những con số liên quan đến các gói viện trợ, bởi vì khó mà có được một con số thống kê chính xác khi cơ cấu tổ chức và điều hành rời rạc và khá phức tạp. Một nguyên nhân khác nữa có thể là mặc dù với thành tích phát triển ấn tượng, còn hơn 100 triệu người sống dưới mức một đô la một ngày (con số này cũng không chính xác) và mức nghèo khổ kinh niên vẫn còn bám chặt lấy nông thôn. Trong hoàn cảnh đó, chính quyền rất khó thuyết phục người dân với những khoản viện trợ hào phóng cho các nước khác. Để trấn an dân chúng, chính quyền có thể có chủ ý làm nhỏ con số thống kê chính thức các khoản viện trợ này (Hình 6).

TQ chủ yếu cho vay hơn là viện trợ không hoàn lại, và thường hỗ trợ cho các dự án liên quan đến cơ sở hạ tầng và gây tiếng vang, tạo uy tín. Lý do mà TQ chủ yếu cho vay có thể là họ cố gắng dùng các khoản cho vay này như là lá bài đối với các chính phủ nhận viện trợ. Các khoản cho vay được dùng như công cụ tăng vị thế của TQ trong mắt các nước nhận viện trợ bằng cách cho vay trước và sau đó sẽ tuyên bố xóa nợ. Xóa nợ được dùng như là một cách tương thưởng cho các chính phủ để bảo, có mối quan hệ chính trị gần gũi với Bắc Kinh (Hình 7).



**Hình 6.** Hỗ trợ tài chính của Trung Quốc cho châu Phi (2000 – 2006), không bao gồm các khoản tài chính cho Angola trị giá khoản 4 tỉ đô la Mỹ. Nguồn: Asche & Schuller (2008)



**Hình 7.** Biểu đồ xóa nợ của Trung Quốc cho các quốc gia châu Phi, năm 2000 – 2006, đơn vị: triệu đô la Mỹ. Nguồn: Asche & Schuller (2008).

## 5.2. Các Mục Tiêu Chính Trị

Một trong những mục tiêu chính trị chính của TQ là đạt được ảnh hưởng chính trị sâu rộng trên bình diện song phương và đa phương để tạo uy thế của TQ là một siêu cường về kinh tế và chính trị. Các quan chức TQ trong khoảng một thập niên trở lại đây liên tục cổ xúy cho một trật tự thế giới đa cực nhằm hạn chế quyền lãnh đạo của Mỹ. Song song, TQ còn tìm kiếm các liên minh với các quốc gia đang phát triển khác, và sự hiện diện ở các tổ chức quốc tế.

Nỗ lực của TQ trong việc tìm kiếm các đồng minh ở châu Phi là nhằm bảo vệ các lợi ích của TQ trong các tổ chức quốc tế, chẳng hạn như Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc hay Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO). Một ví dụ là chính sách “Một Trung Quốc”. Chính sách này khẳng định Đài Loan là một phần không thể tách rời của Trung Quốc và sự không công nhận Đài Loan là một quốc gia độc lập, có chủ quyền là điều kiện cần duy nhất về mặt chính trị để một nước châu Phi có mối quan hệ ngoại giao ưu đãi với Trung Quốc. Chính sách này đã thành công khi hầu hết các chính phủ châu Phi chuyển mối quan hệ ngoại giao từ Đài Loan sang TQ. Và dĩ nhiên, đi kèm theo đó là được nhận các khoản viện trợ “hào phóng”.

Một mục tiêu chính trị khác mà TQ theo đuổi, đặc biệt sau thảm sát Thiên An Môn, là ngăn ngừa sự cô lập về chính trị. Sau sự kiện này, các nước phương Tây đã ngừng quan hệ ngoại giao với TQ. Để tránh cô lập, họ tập trung tăng cường quan hệ với các quốc gia đang phát triển khác. Trong chiến lược này, các khoản viện trợ và các kế hoạch đầu tư chiến lược của họ bắt đầu phát huy tác dụng. Trong khoảng đầu thập niên 1990, các mục tiêu chính trị chiếm vai trò quan trọng trong “Đại Chiến Lược” của TQ. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế nhanh chóng sau đó cùng với việc cải thiện quan hệ với các nước phương Tây, nhờ làm ăn kinh tế, đã đưa đến một sự thay đổi trong cách tiếp cận: giờ đây các mục tiêu kinh tế được đặt lên trên so với các tiêu chuẩn chính trị.

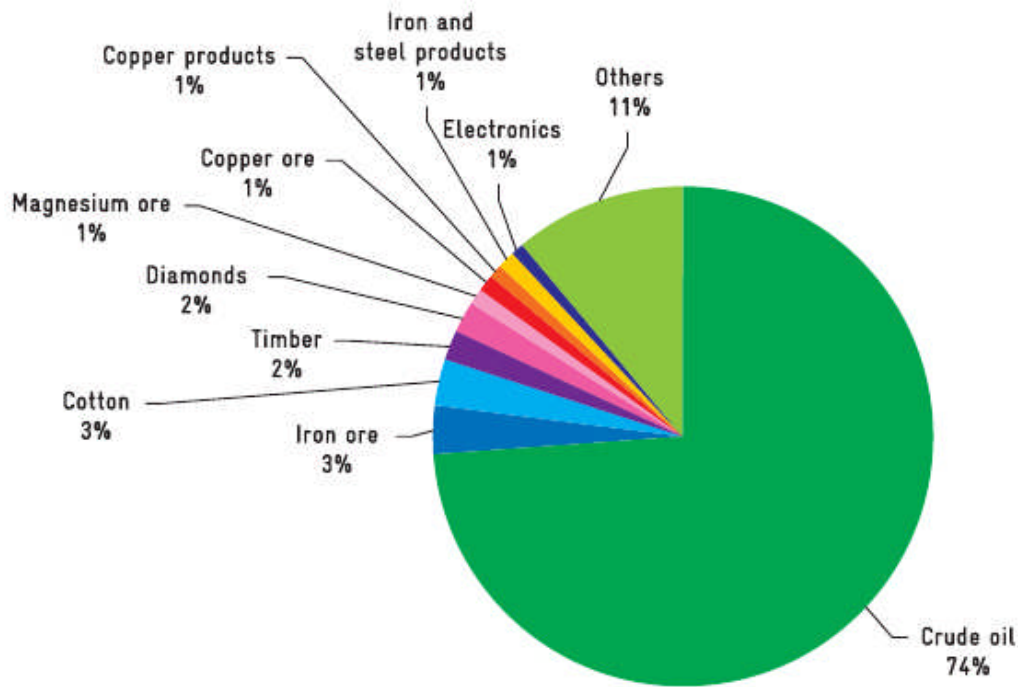
## 5.3. Các Mục Tiêu Kinh Tế

Nền kinh tế phát triển ngày càng nhanh chóng đặt ra nhu cầu ngày càng cao về năng lượng và nguyên liệu thô. Nước này trở thành quốc gia tiêu thụ lớn nhất về đồng, quặng sắt và gỗ, và dự đoán sẽ vượt Mỹ trong khoảng 10 năm tới để trở thành nhà tiêu thụ dầu mỏ lớn nhất thế giới. Nhằm bền vững nguồn cung nguyên liệu thô, TQ đã tăng cường các nỗ lực thiết lập các mối quan hệ song phương mà họ nghĩ là bền vững. Các chương trình viện trợ đóng vai trò then chốt trong chiến lược của họ. Đáng chú ý là TQ chỉ nhập khẩu một số giới hạn mặt hàng, chủ yếu là nguyên liệu, từ một vài nước châu Phi vùng Hạ Sahara (Hình 8 và Hình 9).



Năm	Nước	Hoạt động	Lượng
2002	Algeria	Sinopec kí kết hợp đồng khai thác mỏ dầu Zarzaitine	525 triệu USD
2003	Algeria	CNPC mua lại một số cơ sở lọc dầu, kí kết khai thác hai mỏ dầu	350 triệu USD
2003	Algeria	PetroChina kí kết hợp tác khai thác tài nguyên dầu mỏ và xây dựng các cơ sở lọc dầu	Không công bố
2004	Gabon	Sinopec kí hợp đồng cung cấp dầu thô cho Trung Quốc	
2005	Angola	Sinopec giành quyền quản 1 từ Shell; giữ 75% cổ phần trong Sonangol	
2005	Angola	Cho Angola vay đổi lại được cung cấp dầu	2 tỉ USD
2006	Angola	Tăng lượng tiền cho Angola vay kể từ năm 2005	Hơn 1 tỉ USD
2006	Nigeria	PetroChina kí kết hợp đồng cung cấp 30.000 thùng dầu/ngày	
2006	Nigeria	CNOOC muốn mua lại cổ phần các công ty trong lãnh vực dầu khí của Nigeria	2,3 tỉ USD
2006	Kenya	CNOOC kí kết hợp đồng khai thác dầu xa khơi	
2006	Nigeria	Mua quyền khai thác dầu	4 tỉ USD
2006	Angola	Sinopec mua lại 40% cổ phần trong một khu khai thác dầu (oil block)	1,2 tỉ USD
2006	DR Congo	Hợp đồng về phát triển các tài nguyên dầu mỏ	
2006	Namibia	Bắt đầu khai thác dầu ở miền bắc Namibia, xây dựng nhà máy lọc dầu	
2006	Ethiopia	Zhongyuan Petroleum Company bắt đầu khai thác dầu ở miền Tây Ethiopia	
2006	Equatorial Guinea	CNOOC kí kết hợp đồng hợp tác khai thác dầu ( thời hạn 5 năm)	

**Hình 8.** Các hoạt động của các công ty dầu mỏ Trung Quốc ở châu Phi trong thời gian gần đây (2002 - 2006). Nguồn: Asche & Schuller (2008)

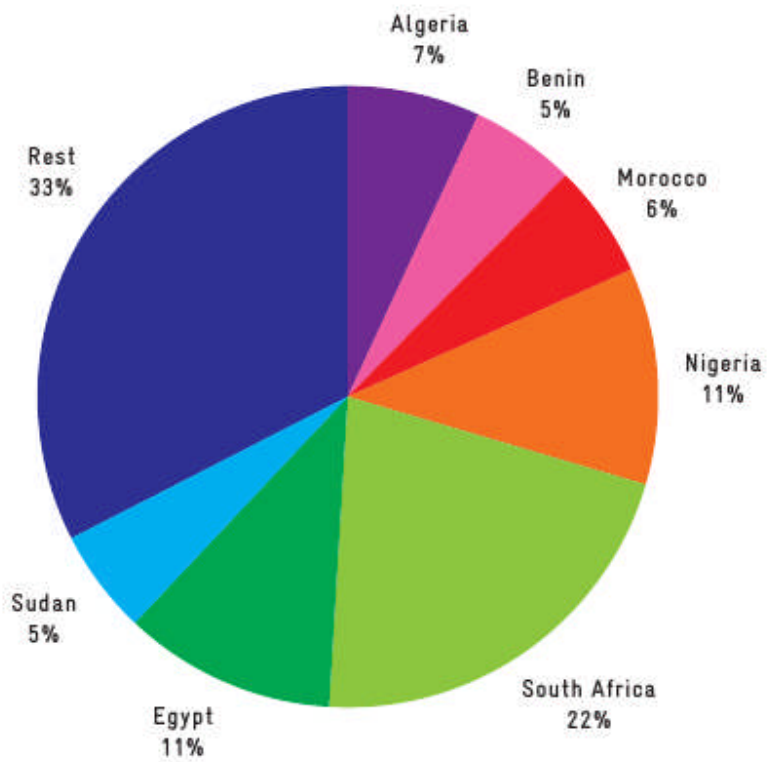


**Hình 9.** Cơ cấu các nguồn cung nguyên liệu của châu Phi cho Trung Quốc, năm 2006.

Nguồn: China Commerce Yearbook 2007: 615

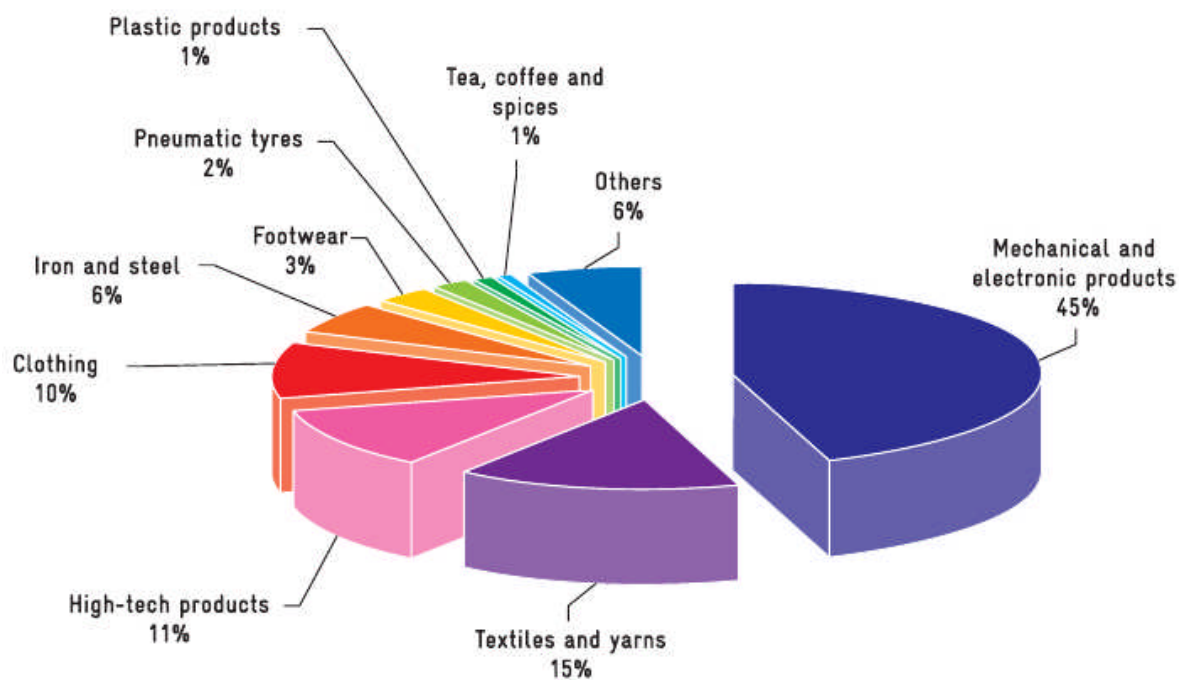
Một mục tiêu kinh tế thứ hai là phát triển các cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp TQ và mở cửa những thị trường mới cho hàng hóa và dịch vụ của họ. Tháng 11 năm 2004, họ hợp tác với Chương Trình Phát Triển của Liên Hiệp Quốc thiết lập Ủy Ban Thương Mại TQ - châu Phi (The China-Africa Business Council) nhằm thúc đẩy đầu tư của TQ trong khu vực kinh tế tư nhân ở các nước châu Phi vùng Hạ Sahara (Hình 10, 11 và 12).

Các viện trợ cho nước ngoài của TQ thường mang tính chiến lược rất cao. Việc bộ thương mại của TQ là cơ quan chính chi phối chính sách viện trợ nước ngoài nói lên tầm quan trọng của chiến lược thực hiện các kế hoạch viện trợ [7].



**Hình 10.** Các thị trường châu Phi quan trọng nhất cho hàng hóa Trung Quốc, năm 2006.

Nguồn: Asche & Schuller (2008)



**Hình 11.** Mười mặt hàng xuất khẩu chính của Trung Quốc sang châu Phi, năm 2006. Nguồn: China Commerce Yearbook 2007: 615.

<u>Lĩnh vực</u>	<u>Số dự án</u>	<u>Giá trị đầu tư (triệu đô la Mỹ)</u>
Nông nghiệp	22	48
Khai thác tài nguyên	44	188
Sản xuất	230	315
Máy móc	20	16
Đồ dùng gia đình	36	25
Công nghiệp nhẹ	82	87
Dệt may	58	102
Sản xuất khác	34	86
Dịch vụ	200	125
Các lĩnh vực khác	3	6

Tổng cộng	499	681
-----------	-----	-----

**Hình 12.** Phân bố FDI của Trung Quốc vào châu Phi (1979-2000).

Nguồn: UNCTAD, dựa trên thông tin cung cấp bởi MOFCOM, Asche & Schuller (2008).

#### 5.4. Các Mục Tiêu Khác

Ngoài các mục tiêu kinh tế và chính trị, các mục tiêu khác bao gồm việc tăng cường vai trò và xây dựng hình ảnh TQ trên trường quốc tế. Trung Quốc đã nỗ lực trong truyền bá văn hóa và triết học Trung hoa, bằng cách khuyến khích việc học và dạy tiếng Hoa, hỗ trợ học văn hóa như thiết lập các trường Khổng Tử, và cung cấp học bổng cho sinh viên nước ngoài đến học ở Trung Quốc.

### 6. Tác động của các hoạt động của Trung Quốc ở châu Phi

Sự xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp cùng công nhân TQ tại các nước châu Phi đặt một câu hỏi lớn về bản chất thực sự của các hoạt động được cho là “kinh tế” của họ tại lục địa này. Việc xác định bản chất thực hoạt động của các tổ chức người TQ luôn rất phức tạp khi mà các thông tin rõ ràng và minh bạch khó được kiểm chứng. Đặc biệt là trong trường hợp mà một chính phủ châu Phi không minh bạch về các hợp tác kinh tế thế giới, đầu tư và TQ cũng có một cách làm tương tự.

Khi tìm hiểu về các hoạt động kinh tế của TQ ở châu Phi, các câu hỏi đặt ra thường xoay quanh phương pháp tiếp cận và mục đích hoạt động của các doanh nghiệp của họ. So với các doanh nghiệp phương Tây vốn hoạt động chỉ vì mục đích lợi nhuận, các doanh nghiệp TQ có mục đích nào khác ngoài lợi nhuận hay không?.

Xét về khía cạnh cạnh tranh quốc tế, các doanh nghiệp tư nhân của TQ được sự hỗ trợ rất nhiều bởi chính quyền cấp quốc gia hay chính quyền cấp tỉnh, cho phép họ có được những thuận lợi cạnh tranh, về vốn và nhân lực, so với các công ty châu Phi. Bên cạnh đó, sự trợ giúp các hoạt động kinh tế ở nước ngoài còn được hỗ trợ bởi Bắc Kinh thông qua các hiệp định chính trị và các thỏa thuận tài chính với các chính phủ châu Phi.

Những công ty nhà nước hay bán sở hữu nhà nước không chỉ được hỗ trợ bởi chính phủ TQ mà có nhiều khả năng thực hiện các động cơ kinh tế/chính trị khác, cũng như các điều kiện và đòi hỏi bởi giới chức TQ. Khi mà vai trò của quan chức TQ rất rõ nét trong việc định hướng nền kinh tế địa phương, sự định hướng của quan chức đối với các doanh nghiệp ở châu Phi sẽ có nhiều tác động.

Các tác động dễ quan sát nhất của các hoạt động kinh tế của TQ ở châu Phi bao gồm:

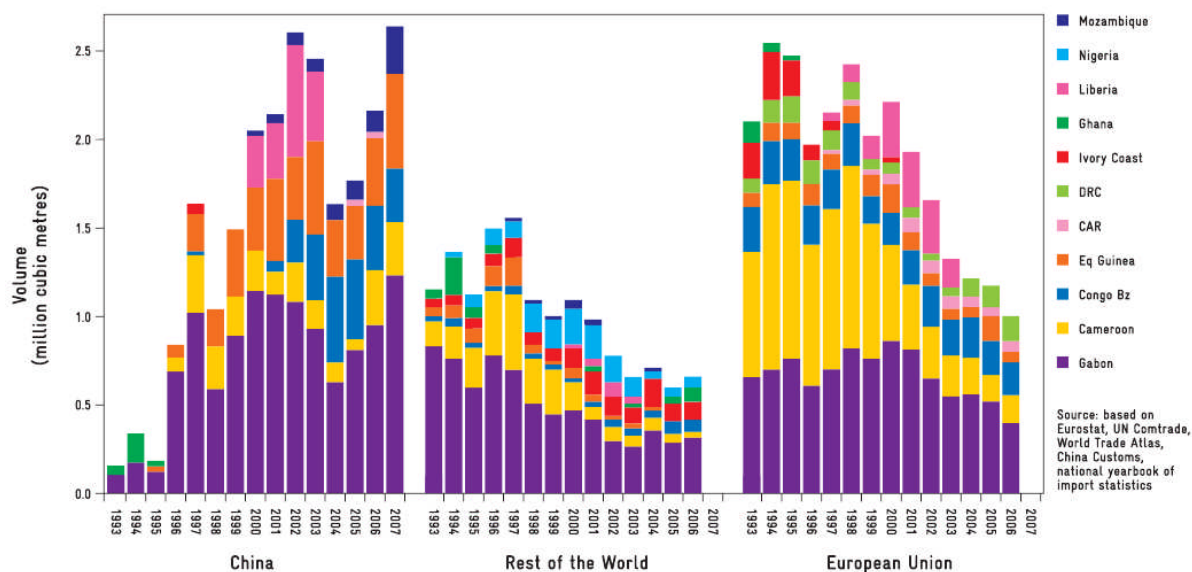
- Thương mại: hàng hóa nhập khẩu có chất lượng thấp và giá rẻ từ TQ và các cửa hàng bán lẻ của người TQ có mặt khắp nơi đã đẩy lùi các cửa hiệu địa phương và dần chiếm lĩnh toàn bộ thị trường, bắt đầu gây nên tâm lý ‘bài Hoa’ tại vài nước châu Phi. Hàng hóa giá rẻ đẩy lùi các sản phẩm địa phương và khiến ngành công nghiệp sản xuất còn non trẻ của châu Phi lâm vào cảnh khốn khó.
- Khai khoáng: các doanh nghiệp TQ rất ít quan tâm tới sức khỏe, an toàn lao động, và quyền lợi của công nhân, hay sự ô nhiễm môi trường đến các cộng đồng xung quanh, và nhiều tác động môi trường khác.
- Khai thác rừng: các hoạt động khai thác gỗ bao gồm gỗ quý và gỗ xây dựng được thực hiện với qui mô lớn bởi các doanh nghiệp TQ, hợp pháp lẫn không hợp pháp, tạo ra những ảnh hưởng có tính tàn phá lớn. Các hoạt động này cũng không có các cơ sở xử lý sản phẩm tại chỗ (Hình 13).
- Xây dựng: nhiều dự án dựa vào công nhân từ TQ, gồm công nhân có tay nghề và không có tay nghề, và do đó không tạo ra nhiều công ăn việc làm cũng như chuyển giao kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý.
- Các sản phẩm công cụ chính được mang đến từ TQ vốn được trợ giá bởi chính phủ TQ loại trừ các sản phẩm sản xuất bởi các doanh nghiệp địa phương.
- Nhập cư. Các dự án TQ luôn kéo theo công nhân TQ, và các công nhân này có xu hướng định cư lại sau khi hết hạn hợp đồng. Các cộng đồng người Hoa ở châu Phi do đó đã xuất hiện và phát triển rất nhanh chóng. Các cộng đồng này đóng vai trò thu thập thông tin, cầu nối kinh tế với TQ và là một mạng lưới phân phối hiệu quả hàng hóa TQ vào châu Phi (Hình 14).

Bên cạnh đó, các luồng tài chính chảy từ TQ đến châu Phi cũng đặt ra nhiều nghi vấn.

Thứ nhất, tài chính chảy vào châu Phi đầu tư cho các dự án kể trên thường đi kèm với điều khoản liên quan đến quyền được chuyển tài chính trở lại TQ. Câu hỏi đặt ra là khi mà các dự án ngày càng lớn và các khoản giao dịch tài chính cũng sẽ lớn dần, dòng tài chính luân chuyển sẽ có ảnh hưởng lớn đến tính ổn định và an toàn trong dự trữ quốc tế và sự ổn vững trong hệ thống tài chính của các nước châu Phi.

Thứ hai, các khoản viện trợ không hoàn lại cấp chính phủ cho các chính phủ tham nhũng, và không có khả năng giải trình sẽ giúp tăng thêm sức mạnh cho các chính phủ đó, hỗ trợ chính phủ cũng như giúp củng cố quyền lực của các thể chế độc tài tiếp tục lạm dụng quyền lực.

Thứ ba, các khoản vay ưu đãi cung cấp cho các chính phủ châu Phi hay đính kèm với các dự án sẽ chất chồng theo thời gian trở thành món nợ ngày càng lớn cho chính phủ TQ và các ngân hàng TQ, lặp lại mô hình nợ tạo ra bởi các chính phủ và ngân hàng phương Tây trước đây [8].



**Hình 13.** Buôn lậu gỗ của Trung Quốc ở châu Phi, năm 2007.

Nguồn: Global Timber 2007 ([www.globaltimber.org.uk](http://www.globaltimber.org.uk))

<u>Nước</u>	<u>Số người</u>
Algeria	20,000
Angola	20,000 - 40,000
Ethiopia	3,000 - 10,000
Gabon	1,000 - 3,000
Guinea	7,500
Cameron	300,000
Madagascar	15,000
Mauritius	30,000
Namibia	8,000 - 40,000
Nigeria	100,000
Zambia	2,300 – 80,000



Lusaka only:	30,000
Nam Phi	Từ 100,000 – 160,000 đến hơn 300,000
Togo	3,000
Uganda	5,000 – 8,000
Zimbabwe	9,000 – 10,000

**Hình 14.** Người nhập cư Trung Quốc ở châu Phi, số liệu năm 2007. Nguồn: Asche & Schuller (2008)

## 7. Nói thêm về mối quan hệ Trung Quốc – châu Phi

Tìm hiểu mối quan hệ phát triển nhanh chóng giữa Trung Quốc và châu Phi vốn được khuếch trương là “gắn bó”, “hữu nghị, anh em”... như luôn được tuyên bố trên các diễn đàn hợp tác, các câu hỏi được đưa ra là mối quan hệ hợp tác này có dựa trên cơ sở là thực sự hai bên cùng có lợi, hay chỉ là một mô hình thực dân, tân thực dân hay thực dân kiểu mới. Trong mô hình này, Trung Quốc thể hiện mình với một chủ nghĩa đế quốc mới và cố gắng xây dựng những liên minh chiến lược và chiến thuật nhằm cân bằng với các nước phương Tây, và thực hiện mục tiêu riêng của mình.

Cho dù chính quyền TQ luôn rao giảng những điều tốt đẹp thì mối quan hệ này dựa trên những mức độ phát triển và khả năng sinh lợi từ các tương tác và hợp tác quá chênh lệch. Sự mất cân bằng nghiêm trọng này giúp TQ thu được nhiều lợi ích hơn khi so với các đối tác châu Phi, cho dù mối quan hệ có vẻ diễn ra một cách hào phóng. Dĩ nhiên châu Phi, cuối cùng thì cũng sẽ có phần mọn, nhưng TQ sẽ đạt được những ích lợi khổng lồ nhằm thúc đẩy nền kinh tế của chính họ khi dùng những nguồn lợi vật chất và tài chính thu nhập được từ châu Phi.

Đây không phải là mối quan hệ cả hai cùng có lợi. Có thể những thành quả vốn không cân bằng này có thể không phải là mục đích ban đầu, nhưng chúng rõ ràng xuất phát từ mối quan hệ không cân xứng của hai đối tác, trừ khi các nỗ lực có chủ đích được thực hiện để bù đắp sự thiệt thòi cũng như tránh làm ảnh hưởng các tác động đến môi trường và xã hội.

Trong các vấn đề chính trị, Bắc Kinh quả quyết không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác. Điều này có nghĩa là họ sẽ không liên can vào hoạt động của các chính phủ mà họ đang có các dự án kinh tế hay “viện trợ” lớn. Nhưng bản chất chính của điều này là một sự can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác khi Bắc Kinh hỗ trợ tài chính và các khoản khác, kể cả vũ khí trong các trường hợp xung đột như ở Sudan, cho một lực lượng chính trị nào đó, và giúp họ tiếp tục duy trì quyền lực, đàn áp tất cả các tầng lớp khác.

Hãy nhìn lại hai ví dụ sau đây về cách tiếp cận của TQ đối với châu Phi: Angola và Sudan, hai quốc gia mà thành tích tham nhũng, quản lý kinh tế, chủng tộc đặc biệt đáng lưu ý.

### 7.1 Angola

Angola được mô tả như một đất nước chuyển từ “chủ nghĩa Stalin mang màu sắc châu Phi” sang “chủ nghĩa tư bản kim cương, dầu mỏ”, thực chất là một chế độ độc tài ngự trị bởi tham nhũng và bè phái, chủng tộc. Các quan sát viên cho rằng khoảng 4 tỉ đô thu nhập từ dầu mỏ đã bị mất bởi nạn đút lót trong khoảng 5 năm.

Hầu như không có sự minh bạch nào trong các chứng từ, kế toán, đặc biệt là các khoản thu nhập từ kim cương và dầu mỏ, và kể cả ở các cơ quan cao nhất như ngân hàng trung ương hay bộ tài chính. Hằng năm quốc hội Angola một cách trung thành, ngoan ngoãn tán đồng một ngân sách mà trong đó một khoản tiền được cho là nhận bởi chính quyền Angola không thấy xuất hiện. Chứng từ về khoản tiền này về cơ bản chỉ là một tờ giấy không có giá trị gì trong thực tế.

Điều này chẳng bận lòng TQ và họ còn lợi dụng nó cho các mục tiêu của mình, và do đó xung đột với các tổ chức quốc tế khác.

Angola hiện nay là nước sản xuất dầu mỏ lớn thứ hai ở vùng châu Phi Hạ Sahara và là đối tác thương mại lớn nhất của TQ ở châu Phi. Các đầu tư của TQ ở Angola tập trung chủ yếu nhằm bảo đảm lâu dài cho nguồn cung cấp dầu mỏ. Angola là đối tác cung cấp dầu mỏ lớn thứ hai của TQ, sau Saudi Arabia, với 788 ngàn thùng/ngày theo số liệu năm 2010.

Giới cầm quyền ở Angola rất yên tâm với chính sách “không can thiệp vào công việc nội bộ” của TQ. Trong quá khứ, khi chính quyền ở Luanda tìm kiếm các khoản vay nhằm tái thiết đất nước sau một thời gian dài nội chiến, cơ quan đầu tiên mà giới cầm quyền Luanda nhờ tới là IMF. Trước các thành tích tham nhũng và quản lý tồi tệ của chính quyền Angola, IMF đính kèm khoản vay với vô số các qui định và điều lệ. Tuy nhiên, khi IMF đang thúc giục giới chức Angola chấp nhận các điều khoản này, đột nhiên Angola chấm dứt thương thảo. Nguyên nhân là Luanda đã nhận được một khoản vay tương ứng 2 tỉ đô từ ngân hàng Exim Bank của Trung Quốc. Khoản vay với lãi suất 1,5% năm cho 17 năm, đính kèm với nó là điều kiện cung cấp trước 10 ngàn thùng dầu thô/ngày, sau đó tăng lên 40 ngàn thùng/ngày, và nhường các dự án xây dựng lớn cho các công ty TQ.

Các điều khoản đi kèm các khoản vay do đó khiến chi phí của khoản vay trong thực tế cao hơn nhiều so với con số chính thức được công bố.

Điều nguy hiểm hơn đó là mối quan hệ phát triển nhanh chóng giữa TQ và Angola theo một cung cách như vậy cho phép giới cầm quyền ở Luanda tiếp tục tham nhũng và củng cố vị trí độc tài của mình. Nhưng có lẽ ‘ngưu tầm ngưu, mã tầm mã’, điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm và tính chất của chính quyền TQ.

## 7.2 Sudan

TQ có đầu tư lớn nhất ở Sudan, và ngược lại Sudan cung cấp dầu mỏ cho TQ ở mức thứ hai ở châu Phi, sau Angola, với khoảng 252 ngàn thùng/ngày theo số liệu năm 2010. Vai trò của TQ trong cuộc nội chiến kéo dài hai thập kỉ ở Sudan và chính sách xuất khẩu vũ khí của Bắc Kinh cho chính quyền Khartoum bỏ qua những thành tích tồi tệ về nhân quyền và quản lý đã bị chỉ trích sâu rộng trong cộng đồng quốc tế. Đáng chú ý là TQ là nước xuất khẩu vũ khí lớn duy nhất và không tham gia vào một hiệp định đa phương nào nhằm đề ra các tiêu chuẩn trong việc xuất khẩu vũ khí như tôn trọng nhân quyền. TQ thay vào đó theo đuổi chính sách vì mục tiêu lợi nhuận kinh tế. TQ cung cấp cho chính quyền Sudan hàng loạt các loại vũ khí, từ máy bay chiến đấu cho đến các loại súng khác trong suốt thời kì nội chiến.

Ngoài việc thu lợi nhuận từ việc bán vũ khí, việc trang bị và xây dựng quân đội cho chính quyền Sudan còn góp phần bảo vệ cổ phần của TQ trong các cơ sở khai thác dầu mỏ ở đây. Tập đoàn khai thác dầu CNPC của Trung Quốc nắm giữ tới 40% cổ phần của công ty khai thác dầu lớn nhất Sudan, The Greater Nile Petroleum Operating Company. Dự án dầu mỏ giữa Sudan và TQ trải rộng khoảng 50 ngàn dặm vuông ở vùng phía Nam Sudan với dự đoán cho khoảng 15 triệu tấn dầu thô hàng năm. Dự trữ của mỏ dầu được cho ở khoảng 220 triệu tấn và là dự án lớn nhất TQ đầu tư ở nước ngoài.

Trong suốt cuộc nội chiến, chính quyền Khartoum dùng vũ khí và cơ sở của CNPC ở phía Nam Sudan làm cơ sở để thực hiện các cuộc tấn công quân nổi dậy và thường dân không theo Hồi giáo ở các vùng lân cận phía Nam.

TQ dùng quyền phủ quyết và vị trí của mình để ngăn chặn Liên Hiệp Quốc ra các nghị quyết hay hành động chống lại chính quyền Khartoum hoặc làm nhẹ áp lực của Liên Hiệp Quốc lên chính quyền này. Trong cuộc khủng hoảng Darfur, TQ tạo ra vẻ là đang cố gắng khuyến khích chính quyền Sudan giải quyết khủng hoảng. Tuy nhiên, các điều tra của Liên Hiệp Quốc cho thấy rằng hầu hết các vũ khí hạng nhẹ dùng trong cuộc xung đột ở Darfur được sản xuất bởi TQ, mặc dù có lệnh cấm nhập vũ khí trong toàn vùng. Theo Amnesty International, năm 2004, vào lúc đỉnh cao của cuộc thảm sát Darfur, TQ cung cấp hàng trăm xe tải quân sự; các xe tải này được dùng để vận chuyển binh lính và chuyên chở các tù nhân đến các địa điểm xử tử. TQ phủ nhận các cáo buộc và cho rằng các nước khác cũng đang xuất khẩu vũ khí và rằng việc xuất khẩu thuần túy chỉ mang ý nghĩa thương mại, trường hợp bên trong của Sudan là một vấn đề nội bộ, và dĩ nhiên TQ không can thiệp vào công việc nội bộ!

Kể từ cuối thập niên 1980 cho đến đầu thập niên 1990, các công ty dầu mỏ của phương Tây bị bắt buộc phải rút đi trước sự đàn áp, vi phạm nhân quyền và nội chiến ở Sudan. Các công ty dầu mỏ của TQ nhảy vào thay thế. CNPC trở thành đối tác với Sudan trong khai thác dầu kể từ giữa thập niên 1990.

Chỉ cho đến đầu năm 2005, khi các điều kiện đưa ra rằng các hiệp định về dầu mỏ đã ký với chính quyền Khartoum sẽ được tôn trọng, TQ mới đồng ý với hiệp định hòa bình ký kết giữa

miền nam và miền bắc. Cuộc trưng cầu dân ý sau đó dẫn đến việc tách miền nam ra khỏi nước Sudan, và thành lập nước Nam Sudan [9].

Các câu hỏi khác xoay quanh cái nhìn của TQ đối với châu Phi cũng như vị trí của châu Phi trong các chiến lược địa kinh tế - chính trị của TQ. Điều này đặc biệt rõ đối với vị trí của TQ ở Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đặc biệt trong nhóm G20 và nhóm G33 các nước đang phát triển. Cả hai nhóm này phản ánh mối quan hệ đồng minh chiến lược chống lại những đối thủ lớn, mặc dù các hoạt động của các thành viên khác nhau trong nhóm cho thấy những khác biệt về kinh tế, xã hội, và chiến lược bên trong giữa các nước và trong quan hệ với các nước phương Tây.

Một câu hỏi là tại sao TQ tự đặt mình thuộc hai nhóm này, khi mà TQ không tích cực và cũng chẳng giữ vai trò lãnh đạo nào. Việc xác định một vị trí như vậy phản ánh không chỉ mối quan tâm kinh tế và vai trò quốc tế mà còn có thể là vị trí địa chính trị T Q đang xây dựng với nước châu Phi như các đồng minh chính trị trong cân bằng với các đối tác phương Tây.

Một câu hỏi khác là liệu một mối quan hệ như vậy có thể đem lại thuận lợi cho các nước châu Phi nhìn chung hay không, và làm thế nào các tổ chức dân sự có thể can thiệp và tạo ảnh hưởng địa chính trị được.

Điều này cũng quan trọng không kém khi hiểu thêm về vai trò của TQ trong mối quan hệ với nhóm G77 ở Liên hiệp quốc. Lúc ban đầu TQ khẳng khái phải là “G77 cộng Trung Quốc” thay vì đơn giản tham gia vào G77. Điều này có thể hiểu được khi TQ có vị trí và quyền phủ quyết ở Hội Đồng Bảo An và điều này được dùng trong những trường hợp cần thiết nhằm có những hỗ trợ về mặt chính trị cho châu Phi và các nước khác. Dưới cái nhìn như vậy cho thấy những nỗ lực của TQ trong việc định vị và xây dựng một vai trò chính trị trên thế giới như một siêu cường đang lên. Nó không chỉ là các mối quan tâm về kinh tế mà vai trò chính trị của TQ cũng quan trọng không kém.

## **8. Tạm Kết Luận.**

Trên con đường phát triển trở thành siêu cường số một của thế giới về cả kinh tế và quân sự, Trung Quốc đã và đang thực hiện một chính sách khôn ngoan, bền bỉ và hiệu quả, dựa trên sức mạnh của đồng tiền và hàng hóa rẻ, và ngoại giao mềm dẻo... để mua chuộc các chính phủ châu Phi nhằm thu hút về TQ dầu khí và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, và nhằm củng cố thế lực của họ trên chính trường quốc tế. Cộng với việc cho dân TQ di dân đến các nước này, TQ đang thực hiện một chính sách ‘thực dân thế kỷ 21’ ở châu Phi. Họ cũng đang từng bước triển khai chính sách này ở châu Mỹ La tinh. Những tranh chấp ở vùng biển Đông Nam Á cho thấy họ luôn quan tâm tìm cách áp dụng chính sách này ở châu Á – Thái Bình Dương.

Lịch sử dường như đang lặp lại... Hậu quả của các chủ nghĩa thực dân, đế quốc... trong các thế kỷ trước là các cuộc chiến tranh khốc liệt. Liệu Trung quốc khi triển khai chính sách này trên toàn thế giới, họ có thể tránh được một (hay nhiều) cuộc chiến tranh?

Frankfurt, Đức

Leuven, Bỉ

12 tháng 8 năm 2011

### **Tham khảo**

- [1] U.S. Energy Information Administration, “China Energy Data, Statistics and Analysis – Oil, Gas, Electricity, Coal. Country Analysis Briefs: China”. Cập nhật tháng 11, năm 2010. Địa chỉ: <http://www.eia.gov/countries/cab.cfm?fips=CH>
- [2] Anshan, L., 2007, “China and Africa: Policy and Challenges”, *China Security* 3: 69-93
- [3] Guerrero, D.- G. và Manji, F., 2008, “Introduction: China’s New Role in Africa and The South”, trong sách: Guerrero, D.- G. và Manji, F., “China’s New Role in Africa and the South: A search for a new perspective”, Nairobi, Oxford, Bangkok: Fahamu.
- [4],[6] Weizhong, X., 2008, “Sino-African Relations: New Transformations and Challenges”, sách đã dẫn.
- [5],[8] Keet, D., 2008, “The Role and Impact of Chinese Economic Operations in Africa”, sách đã dẫn.
- [7] Pehnelt, G., 2007, “The Political Economy of China’s Aid Policy in Africa”, Jena Economic Research Papers.
- [9] Taylor, I. (2006), China’s Oil diplomacy in Africa, *International Affairs* 82: 937-959
- [10] Asche, H., Schuller, M., 2008, China’s Engagement in Africa - Opportunities and Risks for Development, *Study by GTZ on behalf of the German Ministry for Economic Cooperation and Development (BMZ)*.
- [11] Lake, A., Whitman, C.T., Lyman, P.N., Morrison, J.S., 2006, More than Humanitarianism: A Strategic U.S. Approach Toward Africa, *Report of an Independent Task Force*, Council of Foreign Relations, U.S.A.
- [12] Lee, M.C., Melber, H., Naidu, S., Taylor, I., 2007, China in Africa, *Current African Issues* 33, Uppsala, Sweden: Nordiska Afrikainstitutet.
- [13] Taylor, I., 2009, China’s New Role in Africa, Boulder: Lynne Rienner Publisher.
- [14] Tull, D.M., 2006, China’s engagement in Africa: scope, significance and consequences, *Journal of Modern African Studies* 44: 459-479.

